

Số: 141 /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ
về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức
kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ
liệu tài nguyên và môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
302/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 04 năm 2026 và Công văn 5784/SNNMT-
TTKTCNQT ngày 05 tháng 6 năm 2026; ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh
được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Văn bản số 1925/VP-NNXD
ngày 07 tháng 5 năm 2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý,
khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa
bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai
thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn
tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ
và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau
hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước XX; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng: NNXD (Q06/6), NC;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH350/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Chí Nguyễn

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, được quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 14, từ Điều 15 đến Điều 23, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Điều 8 Luật Lưu trữ năm 2024; Điều 7, Điều 10, Điều 37 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Điều 13, Điều 22, Điều 26, Điều 27, Điều 34 Luật Dữ liệu năm 2024 và Điều 28 Luật tiếp cận thông tin năm 2016.

2. Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành tài nguyên và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Các hành vi nghiêm cấm

Các hành vi nghiêm cấm thực hiện theo Điều 8 Luật Lưu trữ năm 2024.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường được phân bổ từ nguồn kinh phí hằng năm theo quy định của pháp luật.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Yêu cầu thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Yêu cầu thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện việc thu thập, cập nhật, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định. Tổ chức quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu trên môi trường số; xây dựng, duy trì và vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

Đồng thời, xây dựng, cập nhật, quản lý và vận hành Cổng Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm phục vụ việc lưu trữ, kết nối, trao đổi và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của tỉnh với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm sử dụng chung hạ tầng, nền tảng và đầu mối quản lý, tránh đầu tư trùng lặp, phân tán, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; ưu tiên phục vụ công tác quản lý, điều hành thực tiễn trong các lĩnh vực đất đai, thủy sản, môi trường, biến đổi khí hậu và quy hoạch ven biển.

d) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (*theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT*) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm;

e) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

g) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm Quyết định này theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu, đảm bảo thông suốt và an toàn thông tin theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm; thực hiện cập nhật dữ liệu đầu vào từ cấp cơ sở theo phân cấp quản lý

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm theo quy định.

c) Chỉ đạo Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập

nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường hàng năm.

- Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường (theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

5. Các Sở, ban, ngành

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

6. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân ngân sách nhà nước có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

Điều 10. Lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

2. Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo khoản 3 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của đơn vị để dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch về Cục chuyên đổi số, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Điều 11. Thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: Thực hiện theo Điều 11 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Quy trình thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 29 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

4. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 30 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

5. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Nông nghiệp và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, chỉnh lý, số hóa dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã, phường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau theo quy định.

Điều 12. Phân loại dữ liệu thông tin

Việc phân loại dữ liệu được thực hiện theo Điều 13 Luật Dữ liệu năm 2024.

Điều 13. Mã hóa, giải mã dữ liệu

Mã hóa, giải mã dữ liệu được quy định tại Điều 22 Luật Dữ liệu năm 2024.

Điều 14. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các sở, ban, ngành trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường 01 (một) bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

2. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, khi phát sinh các nhiệm vụ thuộc danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Phụ lục I Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT phải giao nộp thông tin, dữ liệu giấy cho Sở để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải được lập thành biên bản (*theo Mẫu BM.01 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT*) và lưu vào hồ

sơ theo quy định. Biên bản giao nộp này là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 16. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, đảm bảo an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 17. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, và tổ chức quản lý tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành; bảo đảm đồng bộ, kết nối liên thông, sử dụng thống nhất chuẩn dữ liệu theo quy định.

3. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử theo Điều 37 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 18. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí đảm bảo thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ đảm bảo cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng đảm bảo tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế đảm bảo phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 3 (*ba*) tháng 1 (*một*) lần sao lưu theo quy định.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 (*sáu*) tháng. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào ổ cứng theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Định kỳ 3 (*ba*) tháng 1 (*một*) lần phải kiểm tra và đảm bảo an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 19. Bảo vệ dữ liệu

Biện pháp bảo vệ dữ liệu được thực hiện theo Điều 27 Luật Dữ liệu năm 2024.

Điều 20. Các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu

Các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu được thực hiện theo Điều 26 Luật Dữ liệu năm 2024.

Điều 21. Đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và dữ liệu; tổ chức triển khai các biện pháp về quản trị, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo mật thông tin và dữ liệu. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng (*khoản 2 Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP*).

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 22. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau, Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 23. Hình thức và nội dung khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; Nội dung khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định theo Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử, bảo đảm thuận lợi, giảm thủ tục hành chính và hạn chế việc yêu cầu cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 25. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu không đảm bảo điều kiện theo Điều 18, Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Điều 28 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 thì không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 26. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phải bảo đảm đồng bộ với yêu cầu chuyển đổi số và hạ tầng số dùng chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 27. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Việc thu thập, cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được thực hiện theo Điều 34 Luật Dữ liệu năm 2024.

Điều 28. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 29. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 30. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

Các Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các dữ liệu này đã được phê duyệt và đang triển khai trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt, trừ trường hợp có yêu cầu thực hiện theo quy định của Quyết định này.

Điều 32. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.